

Ngày 29-9-2023

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Thắng;
2. Ông Dương Ngô Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Hà V**, sinh năm 1993 - (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã TS, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Chỗ ở: Thôn CH, xã TS, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hưng Y**, sinh năm 1986 - (Vắng mặt)

Nơi cư trú: **Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến ghi trong biên bản hòa giải chị **Lê Thị Hà V** trình bày:

Chị **Lê Thị Hà V** và anh **Nguyễn Hưng Y** có đăng ký kết hôn ngày 03/7/2017 tại **UBND xã T, huyện Y** trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn, chị **V** về gia đình anh **Y** làm dâu ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống cho đến năm 2022 chị **V** bỏ vào **thành phố B** ở 03 tháng và định ly hôn anh **Y**, nhưng được gia đình chị khuyên bảo chị **V** lại về chung sống cùng anh **Y**. Sau đó lại nhiều lần xảy ra cãi nhau và bất đồng quan điểm sống. Tháng 01/2023, vợ chồng đã sống ly thân, chị **V** và con trai đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ chị ở **thôn C, xã T, huyện Y** sinh sống cho đến nay. Nay chị **V** không còn tình cảm vợ chồng với anh **Y**, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **V** ly hôn anh **Y**.

- Về con chung: Vợ chồng chị V và anh Y có 01 con chung là cháu Nguyễn Hưng N, sinh ngày 12/4/2018 đang ở với chị V. Ly hôn, chị V xin nuôi cháu N và không yêu cầu anh Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công nợ, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Vi Hưng Y1 không có văn bản ghi nhận ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản xác minh ngày 02/8/2023 chính quyền địa phương xã T cung cấp như sau: Chị V và anh Y1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y ngày 02/3/2017. Sau kết hôn, chị V về nhà anh Y1 làm dâu ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 khi chị V vào M làm ăn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm, chỉ nghe nói do hai vợ chồng chung sống hời hợt, không tình cảm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 01/2023, chị V bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống. Từ ngày chị V bỏ về nhà mẹ địa phương không thấy chị V quay lại, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng chị V và anh Y1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Hưng N, sinh ngày 12/4/2018, cháu N khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị V.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hà V được ly hôn với anh Nguyễn Hưng Y.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Hà V nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hưng N, sinh ngày 12/4/2018.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng trừ cho chị V số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí ngày 23/5/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế đã thu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **V** xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với anh **H**; Anh **H** có địa chỉ cư trú tại **huyện Y** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **H** nhưng anh **H** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **H**.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Hà V** và anh **Nguyễn Hưng Y** có đăng ký kết hôn ngày 03/7/2017 tại **UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị **Y**, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị **V**, anh **Y** chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống cho đến năm 2022 chị **V** bỏ vào **thành phố B** ở 03 tháng và định ly hôn anh **Y**, nhưng được gia đình khuyên bảo nên chị **V** lại về chung sống cùng anh **Y**. Sau khi về chung sống cùng anh **Y** nhiều lần lại xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Tháng 01/2023, vợ chồng đã sống ly thân, chị **V** và con trai đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mục đích của hôn nhân giữa chị **V**, anh **Y** không đạt được nên chị **V** xin ly hôn anh **Y** là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hưng N**, sinh ngày 12/4/2018, hiện đang sống với mẹ ở. Khi ly hôn, **V** có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh **Y** cấp dưỡng. Xét thấy cháu **N** đang ở với chị **V** ổn định, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do vậy, để ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu **N**, cần giao cháu **N** cho chị **V** nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị **V** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị **V** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147;

điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Hà V**: Xử cho chị **Lê Thị Hà V** được ly hôn anh **Nguyễn Hưng Y**.

3. Về việc nuôi con: Giao cho chị **Lê Thị Hà V** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Nguyễn Hưng N**, sinh ngày 12/4/2018. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị **Lê Thị Hà V** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **V** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009178 ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị **Lê Thị Hà V** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Thảo